

Số: 888 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh Tế đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 267 sinh viên, cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 44 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 2014-2018	K57 2015 - 2019	K58 2016-2020	K59 2017 - 2021	K60 2018 - 2022	Cộng
1	Kinh doanh thương mại	01		02	73		76
2	Kinh tế				11		11
3	Marketing			03	36	01	40
4	Quản trị kinh doanh	01	01	03	135		140

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 - 2018	K59 2017 - 2020	K60 2018 - 2021	Cộng
1	Kinh doanh thương mại	01	06	16	23
2	Quản trị kinh doanh	01		20	21

(Chữ ký)

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Kinh Tế và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Pi Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 808 /QĐ-ĐHNT ngày 08 tháng 9 năm 2021

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132363	Phạm Thị Yến Vân	22/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.KDTM-2	2014-2018
2	57131579	Trần Nguyễn Yến Nhi	19/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58.KDTM-2	2016-2020
3	58132626	Nguyễn Duy Toàn	10/12/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KDTM-2	2016-2020
4	59130009	Trương Thanh An	13/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
5	59130135	Lê Thị Bích Bình	30/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
6	59130169	Nguyễn Thị Kim Chi	26/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
7	59130257	Đới Thị Anh Đào	13/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
8	59130531	Võ Thị Thanh Hà	13/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
9	59130595	Nguyễn Thị Thanh Hằng	14/07/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
10	59130627	Nguyễn Thị Minh Hạnh	11/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
11	59130661	Hà Thị Thu Hiền	11/07/1999	Thái Bình	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
12	59136218	Mẫu Thị Mỹ Hương	03/08/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
13	59130982	Nguyễn Thị Thanh Huyền	17/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
14	59131096	Nguyễn Hữu Khuyến	01/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
15	59131119	Nguyễn Thị Kiều	30/06/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
16	59131276	Lê Phạm Phương Linh	24/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
17	59131351	Trần Thị Bích Luy	10/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
18	59131372	Nguyễn Thị Ngọc Lý	08/07/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.KDTM-1	2017-2021
19	59131495	Nguyễn Thị Thanh Nga	14/07/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
20	59131585	Nguyễn Thị Ngọc	27/11/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
21	59136156	Nguyễn Thị Thùy Nhân	05/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
22	59131725	Trần Phương Tuyết Nhi	12/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
23	59131808	Nguyễn Hoàng Gia Ni	01/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
24	59132116	Nguyễn Đạo Sáng	13/11/1999	Quảng Trị	Nam	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
25	59132163	Võ Thành Tài	03/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
26	59132194	Phạm Lê Minh Tâm	25/12/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
27	59132348	Đỗ Phương Thảo	13/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
28	59132435	Trương Thị Ngọc Thoa	18/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
29	59132509	Nguyễn Quang Thuần	02/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
30	59132631	Nguyễn Quốc Tính	10/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
31	59132674	Đoàn Thị Huỳnh Trâm	20/08/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
32	59132723	Nguyễn Hoài Yến Trân	08/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
33	59132765	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	18/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
34	59136116	Nguyễn Văn	Trọng	08/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
35	59133004	Trần Thị Thanh	Tuyền	29/09/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
36	59133017	Lê Thanh Ngọc	Tuyền	15/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
37	59133203	Phan Lan	Vy	28/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
38	59133236	Huỳnh Thị Nhật	Ý	29/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-1	2017-2021
39	59136027	Bùi Trần Phương	Anh	19/09/1999	Đồng Nai	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
40	59136033	Bùi Anh	Đại	17/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
41	59130258	Nguyễn Thị Kim	Đào	04/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
42	59130306	Nguyễn Thị	Diễm	15/05/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
43	58130651	Dương Thị Kim	Dung	10/04/1998	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
44	59130457	Nguyễn Ngọc Lê	Duyên	15/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
45	59130493	Lê Thị Hiền	Giang	18/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
46	59130542	Lê Thị Thanh	Hà	20/09/1999	Thừa Thiên Hu	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
47	59130599	Phạm Thị Thu	Hằng	06/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
48	59130648	Đặng Thị Mỹ	Hậu	16/02/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
49	59130703	Võ Văn	Hiệp	03/02/1999	Quảng Trị	Nam	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
50	59130887	Trần Thị Duyên	Hương	28/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
51	59130908	Đinh Thị Thanh	Hường	23/09/1999	Nam Định	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
52	59130979	Phạm Ngọc Khánh	Huyền	07/04/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
53	59131155	Đồng Thanh	Lam	05/03/1999	Yên Bái	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
54	59131229	Đào Thuý	Linh	05/10/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
55	59136168	Phạm Thị Phương	Linh	18/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
56	59136245	Trương Thị Mỹ	Linh	13/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
57	59131360	Trần Thị Ngọc	Ly	22/04/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.KDTM-2	2017-2021
58	59131604	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	11/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
59	59131646	Huỳnh Thị Tú	Nguyệt	18/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
60	59131648	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	07/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
61	59131713	Nguyễn Hoàng Tố	Nhi	21/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
62	59131780	Phạm Thị Hồng	Nhung	09/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
63	59132049	Đỗ Lê Tiểu	Quyền	25/01/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
64	59132083	Nguyễn Lê Khánh	Quỳnh	01/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
65	59132177	Trần Thị Thu	Tâm	26/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
66	59136175	Biện Thị Hồng	Thắm	16/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
67	59132286	Nguyễn Vũ Kim	Thành	29/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
68	59132371	Nguyễn Ánh	Thi	02/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
69	59132430	Huỳnh Thị Kim	Thoa	01/02/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
70	59132618	Hải Thị	Tiến	01/05/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
71	59132643	Nguyễn Xuân Toàn	26/05/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
72	59132678	Đỗ Thị Bích Trâm	02/02/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
73	59132919	Lê Thị Ánh Tú	10/04/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
74	59133014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KDTM-2	2017-2021
75	59133185	Nguyễn Thị Lan Vy	14/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021
76	59133249	Nguyễn Thị Hải Yến	04/05/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.KDTM-2	2017-2021

Danh sách có 76 sinh viên

. Kinh tế

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59136258	Phạm Trọng Đăng	28/11/1995	Đà Nẵng	Nam	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
2	59130370	Dương Trọng Đức	18/09/1999	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
3	59130754	Nguyễn Thị Thanh Hoa	08/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
4	59134068	Nguyễn Thanh Quốc Huy	18/03/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
5	59131328	Nguyễn Thị Thanh Lư	02/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KTNN	2017-2021
6	59131352	Phạm Thị Ngọc Luyến	22/02/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KTNN	2017-2021
7	59131441	Nguyễn Thị Trà My	10/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KTNN	2017-2021
8	59131620	Võ Trình Thảo Nguyên	25/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
9	59132487	Nguyễn Lê Minh Thư	19/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
10	59132649	Thiều Biện Minh Toàn	15/09/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.KTNN	2017-2021
11	59133258	Lê Hải Yến	01/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KTNN	2017-2021

Danh sách có 11 sinh viên

. Marketing

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58130546	Cao Duy Chính	04/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.MARKT	2016-2020
2	58130552	Hoàng Tuấn Đạt	31/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.MARKT	2016-2020
3	58130562	Lê Thị Thanh Hiền	18/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.MARKT	2016-2020
4	59130057	Nguyễn Hoàng Phương Anh	15/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
5	59130445	Trần Thị Mỹ Duyên	03/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
6	59130451	Trần Thị Mỹ Duyên	29/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
7	59130646	Huỳnh Như Hào	30/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
8	59136138	Phạm Hà Minh Hiếu	11/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.MARKT	2017-2021
9	59130753	Phan Thị Ngọc Hoa	27/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
10	59130764	Lê Ngọc Hòa	24/05/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.MARKT	2017-2021
11	59130851	Nguyễn Thị Kim Huệ	15/06/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
12	59130994	Châu Dương Bích Huyền	03/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.MARKT	2017-2021

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
13	59131079	Trần Vĩnh Khoa	03/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.MARKT	2017-2021
14	59131127	Nguyễn Diệu Hoàng Kiều	09/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
15	59131138	Nguyễn Mai Hoàng Kim	03/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
16	59131196	Trần Mỹ Lệ	28/04/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
17	59136253	Nguyễn Phương Ly	19/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
18	59139013	Nguyễn Thị Họa Mi	15/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
19	59131439	Ngô Thị Tiểu My	03/06/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
20	59131514	Nguyễn Thị Thanh Nga	07/08/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.MARKT	2017-2021
21	59131752	Huỳnh Thảo Như	07/05/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
22	59131759	Ngô Quỳnh Như	20/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.MARKT	2017-2021
23	59139160	Nguyễn Phong Phú	19/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.MARKT	2017-2021
24	59131903	Hoàng Thiên Phúc	28/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
25	59131937	Huỳnh Thị Ngọc Phương	06/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
26	59132009	Trần Hà Phú Quốc	07/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.MARKT	2017-2021
27	59132043	Nguyễn Thị Thảo Quyên	10/02/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
28	59132092	Lê Chi Quỳnh	07/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
29	59132355	Đinh Phương Thảo	04/03/1999	Gia Lai	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
30	59132440	Huỳnh Thị Kim Thoại	03/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
31	59132525	Nguyễn Thị Thanh Thương	05/02/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
32	59136208	Nguyễn Thị Thu Thương	23/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
33	59132826	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	19/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
34	59132829	Trần Thị Phương Trinh	03/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
35	59132841	Nguyễn Thái Phương Trinh	02/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
36	59132987	Võ Nhật Tường	28/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
37	59133084	Nguyễn Thị Hồng Vân	17/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
38	59136265	Nguyễn Thị Như Ý	07/01/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
39	59133254	Huỳnh Thị Kim Yến	12/05/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.MARKT	2017-2021
40	58131318	Võ Quốc Khải	23/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	60.MARKT-2	2018-2022

anh sách có 40 sinh viên

Quản trị kinh doanh

T	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56131763	Võ Quang Hiếu	30/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.QTKD-1	2014-2018
2	57131568	Ngô Quang Đạt	26/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.QTKD-1	2015-2019
3	58130212	Trần Phước Duy	15/08/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.QTKD-1	2016-2020
4	58130229	Lê Thị Hậu	19/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.QTKD-1	2016-2020
5	58130315	Cao Thùy Mỹ Thu	26/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.QTKD-1	2016-2020

(Chữ ký)

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
6	59132379	Trần Thị Tú	Anh	07/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
7	59130204	Nguyễn Đức	Công	31/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
8	59130259	Nguyễn Hoàng	Đạo	20/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
9	59130325	Trần Thị Huyền	Diệu	09/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
10	59130604	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	27/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
11	59130592	Đặng Thị Thu	Hằng	03/04/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
12	59130680	Ngô Thị Thu	Hiền	02/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
13	59130721	Huỳnh Thị Xuân	Hiếu	12/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
14	59136187	Nguyễn Khánh	Hòa	28/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
15	59130886	Nguyễn Thị Kim	Hương	25/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
16	59130970	Đặng Thị	Huyền	26/04/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
17	59131134	Võ Thị Mỹ	Kim	18/03/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.QTKD-1	2017-2021
18	59131185	Nguyễn Thị Hồng	Lê	27/09/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
19	59131373	Lê Thị Hoa	Lý	09/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
20	59131459	Lương Hoài	My	02/06/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.QTKD-1	2017-2021
21	59131547	Lê Thị Kim	Ngân	09/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
22	59131565	Nguyễn Thảo	Nghi	10/12/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
23	59131623	Nguyễn Hạnh	Nguyên	05/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
24	59131705	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
25	59131762	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
26	59131783	Đỗ Thị Hồng	Nhung	11/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
27	59131824	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17/06/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
28	59131897	Nguyễn Thị Diệu	Phúc	18/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
29	59132017	Trần Nhân	Quý	28/07/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
30	59132121	Trương Văn	Sinh	11/12/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
31	58130291	Lê Minh	Tâm	24/07/1998	Gia Lai	Nam	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
32	59132183	Phạm Hoài	Tâm	27/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
33	59132422	Trần Thị Như	Thơ	18/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
34	59132465	Trương Thị	Thu	21/02/1999	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
35	59132528	Trần Thị Thanh	Thương	20/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
36	59132662	Mai Thị	Tốt	25/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
37	59168016	Nguyễn Ngọc	Trà	14/09/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
38	59132742	Nguyễn Thị Thùy	Trang	03/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
39	59132757	Phùng Thị Phương	Trang	07/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
40	59132759	Nguyễn Trần Quỳnh	Trang	23/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
41	59132729	Nguyễn Thị	Trang	21/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
42	59132831	Phan Thị Lệ	Trinh	13/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
43	59132977	Hồ Xuân Tùng	24/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-1	2017-2021
44	59133061	Nguyễn Thị Hồng Uyên	08/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
45	59133094	Huỳnh Thị Mai Vàng	28/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
46	59138020	Nguyễn Hùng Vĩ	01/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.QTKD-1	2017-2021
47	59133220	Trần Quốc Vỹ	19/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKD-1	2017-2021
48	59130058	Nguyễn Thị Lan Anh	04/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
49	59130161	Võ Thị Bảo Châu	15/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
50	59130182	Triệu Thị Mỹ Chiên	20/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
51	59130210	Duy Thị Kim Cúc	27/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
52	59130420	Lý Thị Ánh Dương	27/04/1999	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
53	59134137	Nguyễn Cao Quỳnh Giang	08/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
54	59130267	Nguyễn Tấn Đạt	28/08/1999	Bình Định	Nam	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
55	59130525	Phan Thanh Hà	12/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
56	59130541	Trần Thị Xuân Hà	04/01/1998	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
57	59130576	Nguyễn Ngọc Hân	03/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
58	58130226	Ngô Thanh Hằng	16/11/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
59	59130671	Dương Thị Thanh Hiền	03/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
60	59136143	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
61	59130776	Nguyễn Thanh Hoài	16/12/1999	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
62	59130842	Phù Thị Thu Hồng	14/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
63	59130903	Phan Thị Kim Hương	09/02/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
64	59130975	Hồ Thị Ngọc Huyền	23/06/1999	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
65	59131095	Lê Ngọc Khuyên	28/07/1998	Ninh Thuận	Nữ	Giỏi	59.QTKD-2	2017-2021
66	59131190	Huỳnh Thị Lệ	19/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
67	59131216	Lê Thị Linh	02/02/1999	Thanh Hóa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
68	59131263	Nguyễn Thị Ánh Linh	18/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKD-2	2017-2021
69	59131289	Tạ Thị Kim Loan	20/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
70	59131299	Nguyễn Hồng Lộc	15/02/1998	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
71	59131313	Nguyễn Hòa Thu Lợi	10/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
72	59131357	Phạm Huỳnh Trúc Ly	14/04/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
73	59131468	Đỗ Hoài Nam	09/12/1999	Hà Tây	Nam	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
74	59131550	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
75	59131596	Nguyễn Thị Kim Ngọc	27/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
76	59131628	Đặng Hùng Nguyễn	17/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.QTKD-2	2017-2021
77	59131711	Lê Kiều Yến Nhi	30/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKD-2	2017-2021
78	59131766	Dương Thúy Như	04/10/1999	Cà Mau	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
79	59131811	Nguyễn Thị Xuân Nở	24/05/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021

AB

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
80	59131826	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	01/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
81	59131836	Nguyễn Thị Ngọc Phấn	03/08/1999	Gia Lai	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
82	59131971	Nguyễn Thị Thanh Phượng	10/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
83	59132030	Lê Trần Khánh Quyên	25/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
84	59132178	Ngô Thị Thành Tâm	17/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
85	59132201	Nguyễn Ngọc Trang Tâm	30/08/1999	Bình Thuận	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
86	59132289	Hồ Tấn Thành	24/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
87	59132299	Nguyễn Thanh Thảo	15/01/1999	Nam Định	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
88	59132372	Đào Hoàng Thi	25/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
89	59132471	Nguyễn Thị Anh Thư	04/02/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
90	59132553	Mai Thị Thu Thúy	19/01/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
91	59132588	Trần Lê Cẩm Tiên	10/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
92	59132670	Phạm Thị Trâm	10/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
93	59132751	Lê Trần Thanh Trang	07/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
94	59132763	Nguyễn Thảo Trang	15/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
95	59132801	Đào Văn Trí	15/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
96	59133036	Nguyễn Trúc Uyên	01/01/1999	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
97	59136221	Hồ Hải Phương Uyên	21/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
98	59133095	Lê Thị Vệ	03/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-2	2017-2021
99	59133129	Nguyễn Hoàng Việt	29/07/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTKD-2	2017-2021
00	59130082	Đặng Thị Ngọc Ánh	28/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
01	59136194	Phan Văn Bửu	10/12/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
02	59130167	Đặng Thị Kim Chi	22/08/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
03	59130201	Hứa Thành Công	23/06/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
04	59130319	Nguyễn Thị Diệp	19/07/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
05	59130530	Trần Thị Linh Hà	27/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
06	59130548	Mạc Kim Hải	08/08/1999	Bình Định	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
07	59130628	Nguyễn Hồng Hạnh	19/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
08	59130672	Nguyễn Thị Thu Hiền	31/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
09	59130716	Nguyễn Thị Ái Hiếu	01/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
10	59130770	Phạm Thị Xuân Hòa	27/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
11	59130814	Nguyễn Minh Hoàng	12/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
12	59130854	Ngô Thị Phước Huệ	08/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
13	59130937	Phan Quang Huy	10/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
14	59130977	Nguyễn Thị Lệ Huyền	18/07/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
15	59131105	Cù Trung Kiên	01/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
16	59131193	Nguyễn Thị Nhật Lệ	05/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
117	59132378	Trần Thị Mỹ Lệ	27/10/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
118	59131217	Nguyễn Tú Linh	08/10/1999	Yên Bái	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
119	59131362	Võ Thị Tú Ly	19/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
120	59131419	Trương Tuấn Minh	06/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
121	59131698	Trần Thị Tuyết Nhi	23/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
122	59131772	Lê Thị Nhung	30/07/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
123	59131929	Lê Thị Như Phương	10/07/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
124	59131975	Trần Như Phương	04/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
25	59132045	Huỳnh Lê Thúy Quyên	10/06/1999	Lâm Đồng	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
26	59132091	Trần Thị Như Quỳnh	15/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
27	59132294	Lưu Phúc Thành	06/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
28	59132310	Nguyễn Thị Thảo	02/08/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
29	59132404	Bùi Thị Kim Thịnh	14/05/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
30	59132476	Bùi Thị Anh Thư	27/01/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
31	59132544	Trần Thị Diễm Thuy	07/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
32	59132562	Phan Thị Thanh Thúy	16/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
33	59132796	Trần Hữu Thiện Trí	24/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
34	59132823	Dương Lê Phương Trinh	24/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
35	59132926	Khuông Thị Minh Tú	24/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
36	59132984	Lê Huỳnh Đông Tường	29/10/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
37	59133069	Huỳnh Thị Bích Vân	07/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKD-3	2017-2021
38	59133106	Trần Thanh Tường Vi	02/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
39	59133116	Nguyễn Thị Viên	09/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021
40	59133256	Lê Thị Trọng Yến	10/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKD-3	2017-2021

anh sách có 140 sinh viên

Handwritten signature

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 808 /QĐ-ĐHNT ngày 08 tháng 9 năm 2021

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

I. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160888	Huỳnh Thị Thúy Vân	11/03/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
2	59160319	Ngô Quốc Bảo	18/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
3	59160074	Đoàn Lê Linh Hoài	27/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
4	59160269	Vũ Thị Hà Trang	01/02/1999	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-1	2017-2020
5	59160060	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
6	59160138	Đặng Thị Gia My	18/04/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
7	59160259	Ngô Thị Tính	05/05/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KDTM-2	2017-2020
8	60160023	Nguyễn Ngọc Anh	30/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
9	60160054	Trần Ngọc Bích	15/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
10	60161585	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
11	60161774	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	17/12/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
12	60160265	Phan Bảo Hân	14/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
13	60161627	Trần Văn Kiều	27/08/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
14	60160533	Lê Thị Mỹ Linh	03/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	60C.KDTM	2018-2021
15	60160550	Trần Khánh Linh	30/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
16	60160701	Trần Triệu Mỹ Ngân	29/10/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
17	60160864	Võ Văn Phong	08/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
18	60161675	Trương Văn Hồng Quân	01/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
19	60161696	Nguyễn Quốc Thịnh	05/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
20	60161115	Nguyễn Minh Thư	03/10/1998	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60C.KDTM	2018-2021
21	60161410	Lương Thị Mỹ Vi	20/07/2000	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	60C.KDTM	2018-2021
22	60161411	Nguyễn Thị Hồng Vi	12/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.KDTM	2018-2021
23	60161446	Hồ Bảo Vy	12/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.KDTM	2018-2021

Danh sách có 23 sinh viên

II. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160001	Lương Thị Nguyên	19/10/1997	Hải Phòng	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-1	2015-2018
2	60161597	Đỗ Hữu Minh Hiếu	05/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
3	60160401	Phạm Thị Thu Huệ	21/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60C.QTKD-1	2018-2021
4	60160511	Nguyễn Thùy Lam	11/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
5	60162604	Hoàng Thị Thùy Linh	02/08/2000	Gia Lai	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
6	60162342	Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021

(Chữ ký)

7	60160794	Phan Thị Thanh	Nhi	23/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
8	60161978	Nguyễn Thị Yên	Nhi	19/07/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
9	60160833	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
10	60162584	Dương Thị Nhật	Thi	01/09/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
11	60161117	Nguyễn Thị Minh	Thư	05/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
12	60161211	Ngô Anh	Toàn	23/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
13	60161229	Trần Thị Bảo	Trâm	10/10/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
14	60161246	Trần Thị Tổ	Trân	21/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
15	60161392	Trần Nguyễn Thu	Uyên	13/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
16	60161473	Trần Thúy	Vy	10/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-1	2018-2021
17	60162303	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	27/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-2	2018-2021
18	60160576	Hàng Văn	Long	08/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTKD-2	2018-2021
19	60160606	Nguyễn Thị Trúc	Ly	15/11/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-2	2018-2021
20	60160690	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/12/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-2	2018-2021
21	60160700	Trần Thị Kim	Ngân	19/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTKD-2	2018-2021

anh sách có 21 sinh viên

Handwritten signature

